**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

**(Bộ sách “Kết nối tri thức”)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện Tự sự | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được kiểu loại văn bản, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận diện được cử chỉ, hành động của nhân vật trong câu chuyện.  **Thông hiểu**:  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt.  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  - Kiểu bài: Nghị luận xã hội về sự việc hiện tượng trong đời sống.  - Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luậnvề một vấn đề trong đời sống. (Mb, Tb, Kb).  - Xác định đúng vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:**  - HS xác định các luận điểm cần có trong bài văn để trình bày.  **Vận dụng:**  + Biết xây dựng và sắp xếp hệ thống luận điểm rõ ràng, lí lẽ, dẫn chứng có tính thuyết phục làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  + Lập luận hợp lí, hiệu quả  + Vận dụng các thao tác khi nghị luận.  + Vận dụng các phương thức biểu đạt linh hoạt.  **Vận dụng cao:**  + Sáng tạo, linh hoạt trong lập luận.  + Văn viết có giọng điệu riêng.  + Bố cục mạch lạc, lời văn trong sáng, dễ hiểu, tính hoàn chỉnh của văn bản. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN**  **1\*TL** | **5TN**  **1\*TL** | **2 TL**  **1\*TL** | **1\*TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20%*** | ***40%*** | ***30%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong hướng dẫn chấm.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT KRÔNG NĂNG  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn Ngữ văn 7**  *Thời gian: 90 phút (Kể cả phát đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

***Người ăn xin***

*Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lọm khọm đứng ngay trước mặt tôi. Đôi mắt ông lão đỏ hoe và giàn giụa nước mắt. Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại... Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào! Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông rên rỉ cầu xin cứu giúp.*

*Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì. Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra, run lẩy bẩy. Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:*

*- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.*

*Người ăn xin nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:*

*- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. - Ông lão nói bằng giọng khản đặc.*

*Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.*

*(Theo Tuốc-ghê-nhép)*

**Câu 1**. Văn bản “**Người ăn xin**” thuộc kiểu loại văn bản nào?

A. Tự sự. B. Miêu tả.

C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

**Câu 2.**Dáng vẻ của ông lão ăn xin được miêu tả như thế nào?

A. Đôi môi tái nhợt.

B. Đôi mắt đỏ hoe và giàn giụa nước mắt.

C. Áo quần tả tơi thảm hại.

D. Người ăn xin già lọm khọm.

**Câu 3.** Khi ông lão chìa tay xin, cậu bé có hành động như thế nào?

A. Lục túi và quyết định tặng ông ổ bánh mì mình vừa mua.

B. Lục túi và cho ông số tiền xu trong túi.

C. Xua tay và nói: "Cháu chẳng có gì để cho ông hết!"

D. Lục hết túi nọ túi kia nhưng chẳng có gì để cho ông lão.

**Câu 4.** Những lời nói và hành động ân cần của cậu bé đã chứng tỏ điều gì?

A. Cậu bé rất thương ông lão ăn xin

B. Cậu bé rất sợ ông lão ăn xin.

C. Cậu bé không thích giúp đỡ ông lão ăn xin.

D. Cậu bé rất ghét ông lão ăn xin.

**Câu 5.** Cậu bé không có gì để cho ông lão nhưng ông lão lại nói: "Như vậy là cháu đã cho lão rồi". Em hiểu cậu bé đã cho ông lão điều gì?

A. Một chút bánh mì và thức ăn.

B. Sự thông cảm và kính trọng.

C. Một lời xin lỗi mong ông đừng giận.

D. Một chút tiền lẻ để mua áo ấm.

**Câu 6.** Khi ông lão cảm ơn cậu bé, cậu bé nhận ra, mình đã nhận được điều gì từ ông lão ăn xin?

A. Cậu nhận được sự thương cảm từ ông lão ăn xin.

B. Cậu nhận được lòng biết ơn, sự đồng cảm từ ông lão ăn xin.

C. Cậu nhận được một lời xin lỗi từ ông lão ăn xin.

D. Cậu nhận được một bài học từ ông lão ăn xin.

**Câu 7**. Từ “Tài sản” có nghĩa là gì?

A. Là vật chất hoặc tinh thần của cậu bé.

B. Là của cải vật chất hoặc tinh thần có giá trị của cậu bé.

C. Là của cải vật chất có giá trị của cậu bé.

D. Là tinh thần có giá trị của cậu bé.

**Câu 8**. Ông lão nói: "Như vậy cháu đã cho lão rồi", câu nói cho thấy điều gì?

A. Ông lão cảm ơn vì cậu bé đã cho ông thứ gì đó.

B. Ông lão đã thương cảm rằng cậu cũng không có gì cả.

C. Ông lão đã hiểu rằng cậu không có gì để cho lão.

D. Ông lão đã thấu hiểu tấm lòng chân thành của cậu.

**Câu 9.** Nêu nội dung chính của câu chuyện?

**Câu 10**. Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “*Đồng cảm và sẻ chia là một nếp sống đẹp trong xã hội hiện nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

--------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | \* HS nêu được :  - Câu chuyện ca gợi tình thương giữa con người với con người, chỉ cần có tấm lòng giúp đỡ người khó khăn hơn mình dù mình không có gì cũng là một điều đáng trân quý. | 1,0 |
|  | **10** | \* Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện. Hs có thể nêu 1 trong các bài học sau:  - Hãy biết yêu thương, đồng cảm và giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình.  - Ca ngợi tấm lòng nhân ái, biết đồng cảm xót thương tới những mảnh đời bất hạnh, khốn khổ như ông lão ăn xin.  - Cách cho và nhận trong cuộc sống chỉ cần chân thành, có tấm lòng thì đều đáng quý. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*.*Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về sự đồng cảm và sẻ chia là một nếp sống đẹp trong xã hội hiện nay | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với*bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | **- Nêu được vấn đề cần nghị luận:** Đồng cảm và sẻ chia là một nếp sống đẹp trong xã hội hiện nay đối với tất cả mọi người.  - Giải thích được khái niệm “ Đồng cảm”là gì? “ Chia sẻ” là gì?  + Đồng cảm: Là biết rung cảm trước những buồn, vui của người khác, hiểu và cảm thông với những gì đang diễn ra xung quanh cuộc đời mình, luôn đặt mình trong hoàn cảnh của mọi người để nhìn nhận vấn đề, từ đó thể hiện thái độ quan tâm của mình.  + Sẻ chia**:** Cùng người khác sẻ chia niềm vui, nỗi buồn, sẵn sàng có mặt khi người khác cần. Không tỏ thái độ thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác cũng như không ganh ghét, đố kị, nhạo báng vinh quang, niềm vui của họ.  **- Bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên:** Hs có thể nêu ý kiến tán thành, không tán thành hoặc vừa tán thành vừa không tán thành.  - Sử dụng lí lẽ,  - Nêu bằng chứng*.*  - Kết hợp lí lẽ và bằng chứng.  *Ví dụ:* Khi tán thành phải chỉ ra được những mặt lợi của sự đồng cảm và sẻ chia là một nếp sống đẹp trong xã hội hiện nay đối với tất cả mọi người....)  *-* Mặt lợi củasựđồng cảm và sẻ chia: Là nếp sống đẹp, là lối sống được coi trọng trong xã hội ta hiện nay.  + Làm cho mọi người xích lại gần nhau hơn.  + Làm cho một dân tộc, một đất nước trở nên vững mạnh (dẫn chứng ).  *-* Mặt hạn chế: Nhiều sống ích kỷ, vô cảm do bị cuốn theo những tham vọng vật chất của nhiều người trong xã hội hiện nay.  **\* Khẳng định lại ý kiến của bản thân.**  - Phải biết sống đồng cảm, sẻ chia không chỉ trong suy nghĩ, tình cảm mà phải hành động thực tế .  - Có tinh thần giúp đỡ, hi sinh cho những người xung quanh mình. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng*tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

Giáo Viên ra đề

Nguyễn Thị Ái Vân